

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XNK THAN – VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 473 /CLM-TCHC  
V/v: Công bố thông tin định kỳ

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin  
2. Mã chứng khoán: CLM  
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

4. Điện thoại: 024. 39 424 634 Fax: 024. 39 422 350

5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thanh Hải - Giám đốc Công ty.

6. Nội dung thông tin công bố:

6.1. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/6/2017 được lập ngày 07/8/2017 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2. Các nội dung giải trình:

Doanh thu của 6 tháng đầu năm 2017 là 620,69 tỷ đồng, giảm 26% so với doanh thu cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân làm cho doanh thu giảm chủ yếu do trong 6 tháng đầu năm 2017, Công ty không kinh doanh mặt hàng thép chống lò, mặt hàng có giá trị lớn như 6 tháng đầu năm 2016 (trong 6 tháng đầu năm 2016, doanh thu mặt hàng thép chống lò là 111 tỷ đồng). Mặt hàng này hiện trong nước đã sản xuất được và không cần nhập khẩu nhiều như những năm trước đây.

Việc doanh thu giảm đồng thời ảnh hưởng giảm đến Lợi nhuận sau thuế. Do Công ty đã áp dụng các biện pháp quản trị chi phí, đảm bảo mức chi phí hợp lý nên mức giảm Lợi nhuận sau thuế là 18%.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty: [www.coalimex.vn](http://www.coalimex.vn).

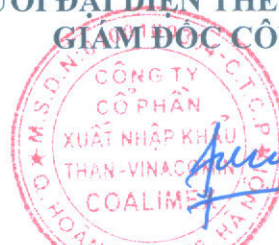
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Lưu: VT, TCHC, Tký Cty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** ✓

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY** ✓



**Nguyễn Thanh Hải**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017  
và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kết quả soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 52





**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc tại ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam), là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 149/2004/QĐ-BCN ngày 01/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006558 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và người đại diện theo Pháp luật của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 14, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 12/07/2016 với mã số doanh nghiệp là 0100100304.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 14 ngày 12/07/2016, vốn điều lệ của Công ty là 110.000.000.000 VND và được chia thành 11.000.000 cổ phần.

**2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

**Hội đồng quản trị:**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Vũ Văn Hà	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Cứ	Ủy viên
- Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên
- Bà Nguyễn Thanh Nga	Ủy viên
- Ông Phạm Minh	Ủy viên

**Ban kiểm soát:**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng ban
- Ông Hoàng Đức Phương	Thành viên
- Bà Bùi Thị Minh Thư	Thành viên

44064  
ÔNG T  
NHIỆM H  
PKF  
T N  
UÂN



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Ban Giám đốc:**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc
- Ông Phạm Minh	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Mạnh Điệp	Phó Giám đốc

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và 03 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc sau:

- Chi nhánh Hồ Chí Minh: có địa chỉ tại Tòa nhà Coalimex 29 - 31 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Hà Nội: có địa chỉ tại 33 Tràng Thi, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội;
- Chi nhánh Quảng Ninh: có địa chỉ tại 33B Lê Thánh Tông, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ..

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2017

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC** 



**Nguyễn Thanh Hải**

**Giám đốc**



Số: 05 /2017/BCSX- PKF.VPC

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin được lập ngày 07/08/2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 52 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0449-2015-242-1

44064  
ÔNG T  
NHIỆM  
PKF  
IỆT N  
YUÂN

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>416.581.821.026</b>	<b>441.743.471.580</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.059.385.030	15.191.531.426
Tiền	111		20.059.385.030	15.191.531.426
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		283.405.406.187	321.587.868.659
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	241.826.370.208	307.886.976.181
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		42.850.711.808	16.387.602.618
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.326.280.291	905.589.964
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(3.597.956.120)	(3.592.300.104)
Hàng tồn kho	140	5.5	106.621.402.115	102.504.748.730
Hàng tồn kho	141		106.621.402.115	102.504.748.730
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.495.627.694	2.459.322.765
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	9.467.045	2.394.815.203
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.421.490.464	-
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	153	5.11	64.670.185	64.507.562
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>131.417.711.987</b>	<b>137.663.626.704</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210	5.3	19.810.500.156	22.328.306.350
Phải thu dài hạn khác	216		19.810.500.156	22.328.306.350
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		1.455.380.852	1.682.792.674
TSCĐ hữu hình	221	5.6	1.455.380.852	1.682.792.674
- Nguyên giá	222		18.592.203.048	19.088.600.762
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	223		(17.136.822.196)	(17.405.808.088)
Bất động sản đầu tư	230	5.7	107.025.780.574	110.209.670.214
- Nguyên giá	231		134.261.698.964	134.465.579.994
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	232		(27.235.918.390)	(24.255.909.780)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.126.050.405	3.442.857.466
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.126.050.405	3.442.857.466
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>547.999.533.013</b>	<b>579.407.098.284</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>410.519.499.212</b>	<b>437.971.840.586</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>369.141.623.040</b>	<b>388.523.601.651</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	277.030.611.729	349.164.397.212
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42.336.308.832	3.528.738.553
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	980.897.176	1.818.623.379
Phải trả người lao động	314		5.876.703.284	2.689.735.897
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	1.439.531.945	463.193.762
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.290.670.829	6.703.274.791
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	6.122.072.335	1.172.359.406
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	19.557.607.185	15.104.276.419
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	7.423.571.576	7.161.307.195
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.083.648.149	717.695.037
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>41.377.876.172</b>	<b>49.448.238.935</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.13	5.245.869.590	5.316.232.353
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	36.132.006.582	44.132.006.582
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>137.480.033.801</b>	<b>141.435.257.698</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.15	<b>137.480.033.801</b>	<b>141.435.257.698</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		110.000.000.000	110.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.122.208.000	4.122.208.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.487.530.434	6.487.530.434
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.174.859.852	9.284.190.710
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.695.435.515	11.541.328.554
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>547.999.533.013</b>	<b>579.407.098.284</b>

Hà Nội ngày 07 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đỗ Thu Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thu Trang

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hải



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2017 và kết thúc vào 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	620.693.385.982	858.283.432.670
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	80.678.778	107.477.955
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV</b>	<b>10</b>	<b>6.3</b>	<b>620.612.707.204</b>	<b>858.175.954.715</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	560.564.083.923	783.254.386.785
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>60.048.623.281</b>	<b>74.921.567.930</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	3.518.930.588	3.290.876.836
Chi phí tài chính	22	6.6	5.434.818.607	5.643.210.532
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.149.933.511	4.758.206.266
Chi phí bán hàng	24	6.9	34.657.611.199	47.312.444.754
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.9	14.026.361.262	15.795.046.969
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9.448.762.801</b>	<b>9.461.742.511</b>
Thu nhập khác	31	6.7	101.603.345	233.297.398
Chi phí khác	32	6.8	1.593.842.315	5.714.500
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.492.238.970)</b>	<b>227.582.898</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.956.523.831</b>	<b>9.689.325.409</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	1.591.304.767	1.937.865.082
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>6.365.219.064</b>	<b>7.751.460.327</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	578,66	704,68
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội ngày 07 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thu Hồng

Lê Thị Thu Trang



Nguyễn Thanh Hải



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2017 và kết thúc vào 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	7.956.523.831	9.689.325.409
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.207.420.432	3.267.090.432
Các khoản dự phòng	03	267.920.397	2.153.133.332
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	357.270.366	66.216.575
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.111.228.270)	(475.867.420)
Chi phí lãi vay	06	3.149.933.511	4.758.206.266
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>12.827.840.267</b>	<b>19.458.104.594</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	33.882.143.686	(89.285.279.827)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(4.116.653.385)	(51.099.776.887)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(29.031.556.699)	(9.023.769.268)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.702.155.219	3.559.429.191
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.181.326.147)	(4.772.009.726)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.893.969.452)	(1.774.601.820)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	50.000.000	31.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(534.706.300)	(1.285.910.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.703.927.189</b>	<b>(134.192.813.743)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(427.221.500)	(964.885.616)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	39.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.978.992.821	475.867.420
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.590.771.321</b>	<b>(489.018.196)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	224.868.985.474	568.693.097.113
Tiền trả nợ gốc vay	34	(228.415.654.708)	(398.024.099.188)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.883.578.400)	(10.642.701.710)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7.430.247.634)</b>	<b>160.026.296.215</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>4.864.450.876</b>	<b>25.344.464.276</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.191.531.426	30.533.109.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.402.728	(93.371.893)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>20.059.385.030</b>	<b>55.784.202.022</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

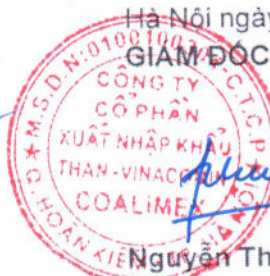
Đỗ Thu Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thu Trang

Hà Nội ngày 07 tháng 08 năm 2017

GIAM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hải



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

### **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam), là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định Số 149/2004/QĐ-BCN ngày 01/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006558 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 14, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 12/07/2016 với mã số doanh nghiệp là 0100100304.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác: than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than; thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại, khoáng sản, kim khí, nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất; Kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); Dịch vụ vận tải hàng hoá; Tư vấn du học nước ngoài; hoạt động xuất khẩu lao động; Kinh doanh Nitrat Amôn hàm lượng cao, Hoạt động chế biến than

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có văn phòng chính tại Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và 03 chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh Hồ Chí Minh: có địa chỉ tại Tòa nhà Coalimex 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Hà Nội: có địa chỉ tại 33 Tràng Thi, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;
- Chi nhánh Quảng Ninh: có địa chỉ tại 33B Lê Thánh Tông, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 206 người, trong đó số cán bộ quản lý là 35 người.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3227/TKV-KTTC ngày 07/07/2017 của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.700 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.770 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.770 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

#### **4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: Theo phương pháp bình quân gia quyền
- Hàng hóa: Theo phương pháp đích danh

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- |                            |            |
|----------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc   | 15 năm     |
| - Máy móc, thiết bị        | 6 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải      | 6 - 10 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 - 10 năm |

**4.7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư (BĐS đầu tư) là toàn bộ các chi phí bằng tiền mà Công ty bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BĐS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư; các



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi BĐS đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý bất động sản đầu tư đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao BĐS đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính của BĐS đầu tư được tính theo thời gian sử dụng của nhà cửa vật kiến trúc được hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao bất động sản đầu tư của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 15 - 25 năm

Bất động sản đầu tư là các văn phòng do Công ty sở hữu và cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động.

**4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí liên quan tới hoàn thiện văn phòng cho thuê, chi phí sửa chữa lớn và các chi phí hoa hồng môi giới trả trước. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.9. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.10. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

**4.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả của Công ty gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí điện nước, dịch vụ vệ sinh, tổ chức hội nghị.

**4.12. Dự phòng phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm đã bán được Công ty cam kết bảo hành tại hợp đồng bán hàng.

**4.13. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 12/07/2016 với mã số doanh nghiệp là 0100100304, vốn điều lệ của Công ty là 110.000.000.000 VND và được chia thành 11.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	60.953.480.000	60.953.480.000	55%
Các cổ đông khác	49.046.520.000	49.046.520.000	45%
<b>Cộng</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.14. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi chênh lệch tỷ giá và lãi thu được do khách hàng chậm thanh toán căn cứ trên hợp đồng và biên bản xác nhận với khách hàng.

**4.15. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ tài chính.

**4.16. Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế sau:

- Doanh thu xuất khẩu lao động: 0%
- Doanh thu của các mặt hàng khác: 10%

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**4.17. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.18. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	539.976.559	1.609.604.454
Tiền gửi ngân hàng (ii)	19.519.408.471	13.581.926.972
<b>Cộng</b>	<b><u>20.059.385.030</u></b>	<b><u>15.191.531.426</u></b>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2017 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		539.976.559
<b>Cộng</b>		<b><u>539.976.559</u></b>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2017 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
<b>Ngoại tệ</b>		<b><u>1.316.182.280</u></b>
Đô la Mỹ (USD)	49.566,86 #	1.125.167.722
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.007,01 #	136.359.127
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	14.520,09 #	329.606.043
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	15.431,82 #	350.302.314
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam	603,04 #	13.689.008
Ngân hàng TMCP Quân Đội	8.510,85 #	193.196.295
Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam	4.182,22 #	94.936.394
Ngân hàng quốc tế VIB	311,83 #	7.078.541
Euro (EUR)	4.372,54 #	112.553.290
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.177,02 #	107.520.421
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	195,52 #	5.032.869
Yên Nhật (JPY)	362.799,00 #	72.716.822
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	362.799,00 #	72.716.822
Đô la Úc	331,38 #	5.744.446
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	331,38 #	5.744.446
<b>Đồng Việt Nam (VND)</b>		<b><u>18.203.226.191</u></b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		12.666.754.127
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		2.476.044.158
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam		3.876.353
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam		803.620.150
Ngân hàng TMCP Quân đội		789.259.917



# TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam		1.205.563.197
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội		66.024.182
Ngân hàng quốc tế VIB		192.084.107
<b>Cộng</b>		<b>19.519.408.471</b>

5.2 Phải thu khách hàng

	<u>30/06/2017 (VND)</u>	<u>01/01/2017 (VND)</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<b>241.826.370.208</b>	<b>307.886.976.181</b>
Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	2.371.096.800	19.989.087.900
Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	17.482.912.115	77.179.990.027
Công ty CP than Cao Sơn - Viancomin	47.973.369.422	26.063.685.997
Công ty Nhôm Đăk Nông - TKV	28.173.320.140	-
Phải thu các khách hàng khác	145.825.671.731	184.654.212.257
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>241.826.370.208</b>	<b>307.886.976.181</b>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem các phụ biểu đính kèm

### 5.3 Phải thu khác

	<u>30/06/2017 (VND)</u>		<u>01/01/2017 (VND)</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	<b>2.326.280.291</b>	-	<b>905.589.964</b>	-
Phải thu tạm ứng	1.452.909.500	-	160.465.000	-
Ký cược, ký quỹ	89.467.457	-	5.458.476	-
Phải thu khác	783.903.334	-	739.666.488	-
b. Dài hạn	<b>19.810.500.156</b>	-	<b>22.328.306.350</b>	-
Phải thu Hợp đồng HTKD	18.657.029.156	-	21.174.835.350	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.153.471.000	-	1.153.471.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.136.780.447</b>	-	<b>23.233.896.314</b>	-

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.4 Nợ xấu**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	3.597.956.120	3.597.956.120	3.592.300.104	3.592.300.104
Từ 3 năm trở lên				
<i>Công ty CP Hóa dầu và nhiên liệu sinh học dầu khí</i>	3.597.956.120	3.597.956.120	3.592.300.104	3.592.300.104

**5.5 Hàng tồn kho**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	1.501.840.157	-	-	-
Nguyên vật liệu	26.210.977.200	-	-	-
Hàng hoá	78.199.280.178	-	102.210.376.480	-
Hàng gửi bán	709.304.580	-	294.372.250	-
<b>Cộng</b>	<b>106.621.402.115</b>	<b>-</b>	<b>102.504.748.730</b>	<b>-</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	10.664.959.775	-	7.153.533.517	1.270.107.470	-	19.088.600.762
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	417.797.714	78.600.000	-	496.397.714
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.664.959.775	-	6.735.735.803	1.191.507.470	-	18.592.203.048
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu kỳ	9.793.680.288	-	6.365.616.851	1.246.510.949	-	17.405.808.088
- Khấu hao trong kỳ	72.606.626	-	139.074.204	15.730.992	-	227.411.822
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	417.797.714	78.600.000	-	496.397.714
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.866.286.914	-	6.086.893.341	1.183.641.941	-	17.136.822.196
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	871.279.487	-	787.916.666	23.596.521	-	1.682.792.674
Tại ngày cuối kỳ	798.672.861	-	648.842.462	7.865.529	-	1.455.380.852

Trong đó: - Thế chấp, cầm cố  
 - Đã KH hết, đang sử dụng

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.7 Bất động sản đầu tư**

	Số đầu kỳ (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Giảm trong kỳ (VND)	Số cuối kỳ (VND)
<b>Nguyên giá BĐS đầu tư</b>	<b>134.465.579.994</b>	<b>203.881.030</b>	-	<b>134.261.698.964</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	134.465.579.994	203.881.030	-	134.261.698.964
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>24.255.909.780</b>	<b>2.980.008.610</b>	-	<b>27.235.918.390</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	24.255.909.780	2.980.008.610	-	27.235.918.390
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại của BĐS đầu tư</b>	<b>110.209.670.214</b>	-	-	<b>107.025.780.574</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	110.209.670.214	-	-	107.025.780.574
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty gồm toà nhà Coalimex building, số 29 - 31 Đinh Bộ Lĩnh Thành phố Hồ Chí Minh (Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán: 7.188.056.078 đồng) và toà nhà 33 Tràng Thi, Thành phố Hà Nội (Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán: 99.837.724.496 đồng). Trong đó, tòa nhà 33 Tràng Thi đã đưa vào sử dụng và đã quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành. Theo đánh giá của Công ty thì giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2017 không nhỏ hơn giá gốc đang phản ánh trên sổ kế toán.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà 33 Tràng Thi được hình thành từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD-Coalimex-TND ngày 22/09/2003 và các Phụ lục Hợp đồng ký giữa Công ty Xuất nhập khẩu và hợp tác quốc tế (COALIMEX) nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin và Công ty Than Nội địa nay là Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (VVMI). Theo điều khoản hợp đồng, giá trị bất động sản được chia cho Coalimex và VVMI theo tỷ lệ tương ứng là 65% - 35%. Theo đó, chi tiết tại ngày 30/06/2017 tổng nguyên giá BĐS: 176.396.784.075 đồng (phân chia cho Coalimex: 114.657.909.648 đồng, VVMI: 61.738.874.427 đồng), Giá trị hao mòn lũy kế: 22.800.284.853 đồng (phân chia cho Coalimex: 14.820.185.152 đồng và VVMI: 7.980.099.701 đồng). Kết quả hoạt động kinh doanh và chi phí phát sinh từ hoạt động của tòa nhà được phân chia theo tỷ lệ giá trị vốn góp theo hợp đồng là 65% - 35%.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.8 Chi phí trả trước**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>9.467.045</b>	<b>2.394.815.203</b>
Chi phí LC, phí vận chuyển hàng hóa trả trước	-	1.491.816.438
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.467.045	902.998.765
<b>b. Dài hạn</b>	<b>3.126.050.405</b>	<b>3.442.857.466</b>
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.126.050.405	3.442.857.466
<b>Cộng</b>	<b><u>3.135.517.450</u></b>	<b><u>5.837.672.669</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.9 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2017 (VND)		Tăng Trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2017 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>15.104.276.419</b>	<b>15.104.276.419</b>	<b>232.868.985.474</b>	<b>228.415.654.708</b>	<b>19.557.607.185</b>	<b>19.557.607.185</b>
<b>Các khoản vay ngắn hạn</b>	<b>3.854.276.419</b>	<b>3.854.276.419</b>	<b>224.868.985.474</b>	<b>224.665.654.708</b>	<b>4.057.607.185</b>	<b>4.057.607.185</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	-	-	103.298.416.809	103.298.416.809	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-	-	31.932.649.298	31.932.649.298	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu	-	-	44.815.487.746	44.815.487.746	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	-	-	34.309.478.682	34.309.478.682	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	7.900.000.000	7.900.000.000	-	-
Vay công đoàn công ty	3.854.276.419	3.854.276.419	2.612.952.939	2.409.622.173	4.057.607.185	4.057.607.185
<b>Vay dài hạn có hạn trả 12 tháng tới</b>	<b>11.250.000.000</b>	<b>11.250.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>3.750.000.000</b>	<b>15.500.000.000</b>	<b>15.500.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	11.250.000.000	11.250.000.000	8.000.000.000	3.750.000.000	15.500.000.000	15.500.000.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>44.132.006.582</b>	<b>44.132.006.582</b>	<b>(8.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>36.132.006.582</b>	<b>36.132.006.582</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>55.382.006.582</b>	<b>55.382.006.582</b>	<b>-</b>	<b>3.750.000.000</b>	<b>51.632.006.582</b>	<b>51.632.006.582</b>

Từ 1 đến 5 năm



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	01/01/2017 (VND)		30/06/2017 (VND)			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	55.382.006.582	55.382.006.582	-	3.750.000.000	51.632.006.582	51.632.006.582
<b>Vay dài hạn có hạn trả 12 tháng tới</b>	<b>(11.250.000.000)</b>	<b>(11.250.000.000)</b>	<b>(8.000.000.000)</b>	<b>(3.750.000.000)</b>	<b>(15.500.000.000)</b>	<b>(15.500.000.000)</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	(11.250.000.000)	(11.250.000.000)	(8.000.000.000)	(3.750.000.000)	(15.500.000.000)	(15.500.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>59.236.283.001</b>	<b>59.236.283.001</b>	<b>224.868.985.474</b>	<b>228.415.654.708</b>	<b>55.689.613.767</b>	<b>55.689.613.767</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.10 Phải trả người bán**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>277.030.611.729</b>	<b>277.030.611.729</b>	<b>349.164.397.212</b>	<b>349.164.397.212</b>
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	44.123.757.161	44.123.757.161	48.939.828.577	48.939.828.577
Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	134.344.853.242	134.344.853.242	74.602.154.995	74.602.154.995
Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin	-	-	10.265.994.130	10.265.994.130
Guangxi Pingxiang Shun da Im & Ex	10.169.082.000	10.169.082.000	47.913.481.000	47.913.481.000
Công ty CP kinh doanh TM & SX Seiki	10.705.066.712	10.705.066.712	36.222.142.183	36.222.142.183
Phải trả cho các đối tượng khác	77.687.852.614	77.687.852.614	131.220.796.327	131.220.796.327
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>277.030.611.729</b>	<b>277.030.611.729</b>	<b>349.164.397.212</b>	<b>349.164.397.212</b>

Phải trả người bán là các bên liên quan : Xem các phụ biểu đính kèm



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2017 (VND)
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	528.442.350	10.541.045.880	11.048.860.070	20.628.160
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	27.212.726.815	27.212.726.815	-
Thuế xuất, nhập khẩu	166.000	8.090.387.842	8.090.553.842	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.066.535.118	1.548.268.807	1.893.969.452	720.834.473
Thuế thu nhập cá nhân	223.479.911	423.325.516	407.370.884	239.434.543
Tiền thuế đất và tiền thuế đất	-	555.483.735	555.483.735	-
Các loại thuế khác	-	893.710.000	893.710.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.818.623.379</b>	<b>49.264.948.595</b>	<b>50.102.674.798</b>	<b>980.897.176</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	60.612.668	-	162.623	60.775.291
Thuế xuất, nhập khẩu	3.894.894	-	-	3.894.894
Tiền thuế đất và tiền thuế đất	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>64.507.562</b>	<b>-</b>	<b>162.623</b>	<b>64.670.185</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.12 Chi phí phải trả**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Trích trước chi phí lãi vay	79.770.676	111.163.312
Chi phí phải trả khác	1.359.761.269	352.030.450
<b>Cộng</b>	<b>1.439.531.945</b>	<b>463.193.762</b>

**5.13 Phải trả khác**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.122.072.335</b>	<b>1.172.359.406</b>
Kinh phí công đoàn	46.678.740	-
Bảo hiểm xã hội	-	388.936
Nhận ký quỹ, ký cược	500.000.000	500.000.000
Cổ tức phải trả	4.973.784.477	108.362.877
Các khoản phải trả phải nộp khác	601.609.118	563.607.593
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.245.869.590</b>	<b>5.316.232.353</b>
Nhận ký cược ký quỹ	5.245.869.590	5.316.232.353
<b>Cộng</b>	<b>11.367.941.925</b>	<b>6.488.591.759</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.14 Dự phòng phải trả**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>7.423.571.576</b>	<b>7.161.307.195</b>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	7.423.571.576	7.161.307.195
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>7.423.571.576</b>	<b>7.161.307.195</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ ĐT PT		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	110.000.000.000	4.122.208.000	4.122.208.000	6.487.530.434	9.284.190.710	-	-	129.893.929.144				
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	12.963.492.692	12.963.492.692			12.963.492.692
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(1.422.164.138)	(1.422.164.138)			(1.422.164.138)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	110.000.000.000	4.122.208.000	4.122.208.000	6.487.530.434	9.284.190.710	11.541.328.554	141.435.257.698					
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	6.365.219.064	6.365.219.064			6.365.219.064
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	890.669.142	330.216.451			1.220.885.593
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.541.328.554)	(11.541.328.554)		(11.541.328.554)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-
<b>Số dư cuối năm</b>	110.000.000.000	4.122.208.000	4.122.208.000	6.487.530.434	10.174.859.852	6.695.435.515	137.480.033.801					

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Vốn đầu tư của Tập đoàn	60.953.480.000	60.953.480.000
Vốn đầu tư của cổ đông khác	49.046.520.000	49.046.520.000
<b>Cộng</b>	<b><u>110.000.000.000</u></b>	<b><u>110.000.000.000</u></b>
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu		

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u> (VND)	<u>Năm 2016</u> (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn đầu tư đầu năm	110.000.000.000	110.000.000.000
Vốn đầu tư tăng trong năm	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	110.000.000.000	110.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>8.800.000.000</b>	<b>-</b>

**Cổ phiếu**

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u> (VND)	<u>Năm 2016</u> (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	10.174.859.852	9.284.190.710
<b>Cộng</b>	<b><u>10.174.859.852</u></b>	<b><u>9.284.190.710</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

	30/06/2017	01/01/2017
- Ngoại tệ các loại		
<i>Đồng USD</i>	49.566,86	57.986,02
<i>Đồng JPY</i>	362.799,00	230.525,00
<i>Đồng EUR</i>	4.372,54	4.371,52
<i>Đồng AUD</i>	331,38	331,38
- Nợ khó đòi đã xử lý	886.052.173	886.052.173
- Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	-	-

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>620.693.385.982</b>	<b>858.283.432.670</b>
Doanh thu bán hàng	604.559.253.090	844.957.661.569
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.072.838.689	1.560.138.433
Doanh thu cho thuê văn phòng	13.061.294.203	11.765.632.668

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>80.678.778</b>	<b>107.477.955</b>
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	80.678.778	107.477.955

**6.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
<b>Tổng Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>620.612.707.204</b>	<b>858.175.954.715</b>
Doanh thu thuần bán hàng	604.478.574.312	844.850.183.614
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.072.838.689	1.560.138.433
Doanh thu thuần cho thuê văn phòng	13.061.294.203	11.765.632.668

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)</u>
Giá vốn hàng hoá đã bán	556.935.847.335	779.787.170.152
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	3.628.236.588	3.467.216.633
<b>Cộng</b>	<b><u>560.564.083.923</u></b>	<b><u>783.254.386.785</u></b>

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	385.847.869	109.527.669
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.443.156.863	2.815.039.416
Chiết khấu thanh toán	1.539.904.900	-
Lãi bán hàng trả chậm	150.020.956	366.309.751
<b>Cộng</b>	<b><u>3.518.930.588</u></b>	<b><u>3.290.876.836</u></b>

**6.6 Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)</u>
Lãi tiền vay	3.149.933.511	4.758.206.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.175.762.796	885.004.266
Chi phí tài chính khác	1.109.122.300	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.434.818.607</u></b>	<b><u>5.643.210.532</u></b>

**6.7 Thu nhập khác**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	35.454.545	-
Tiền phạt thu được	4.500.000	70.747.950
Các khoản khác	61.648.800	162.549.448
<b>Cộng</b>	<b><u>101.603.345</u></b>	<b><u>233.297.398</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**6.8 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Các khoản bị phạt	1.593.842.315	5.714.500
Các khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.593.842.315</b>	<b>5.714.500</b>

**6.9 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>14.026.361.262</b>	<b>15.795.046.969</b>
Chi phí nhân viên	7.607.255.733	8.578.954.346
Chi phí tiếp tân, hội nghị, khánh tiết	1.006.778.334	4.136.602.973
Các khoản khác	5.412.327.195	3.079.489.650
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>34.657.611.199</b>	<b>47.312.444.754</b>
Chi phí nhân viên	5.533.907.363	6.636.946.892
Chi phí vận chuyển bốc xếp	16.531.313.641	23.312.681.354
Chi mua bảo hiểm hàng hóa	537.638.479	-
Các khoản khác	12.054.751.716	17.362.816.508
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>48.683.972.461</b>	<b>63.107.491.723</b>

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	605.398.960	619.174.740
Chi phí nhân công	13.141.163.096	15.215.901.238
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.207.420.432	3.267.090.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.616.788.834	31.576.567.522
Chi phí khác bằng tiền	20.121.870.671	20.936.638.408
<b>Cộng</b>	<b>58.692.641.993</b>	<b>71.615.372.340</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.956.523.831	9.689.325.409
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.956.523.831	9.689.325.409
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	7.956.523.831	9.689.325.409
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.591.304.767	1.937.865.082
<b>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm nay</b>	<b>(330.216.451)</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN nộp thay Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP</b>	<b>287.180.491</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.548.268.807</b>	<b>1.937.865.082</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.365.219.064	7.751.460.327
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	6.365.219.064	7.751.460.327
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.000.000	11.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>578,66</b>	<b>704,68</b>

**7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

ràng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

40-  
TY  
HỮ  
F  
NA  
N -

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 30/06/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.059.385.030	-	20.059.385.030
Phải thu khách hàng	241.826.370.208	-	241.826.370.208
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	873.370.791	19.810.500.156	20.683.870.947
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.597.956.120)	-	(3.597.956.120)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>259.161.169.909</b>	<b>19.810.500.156</b>	<b>278.971.670.065</b>
<b>Ngày 30/06/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	19.557.607.185	36.132.006.582	55.689.613.767
Phải trả người bán	277.030.611.729	-	277.030.611.729
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	21.842.776.316	5.245.869.590	27.088.645.906
<b>Tổng cộng</b>	<b>318.430.995.230</b>	<b>41.377.876.172</b>	<b>359.808.871.402</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(59.269.825.321)</b>	<b>(21.567.376.016)</b>	<b>(80.837.201.337)</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.191.531.426	-	15.191.531.426
Phải thu khách hàng	307.886.976.181	-	307.886.976.181
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	745.124.964	22.328.306.350	23.073.431.314
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.592.300.104)	-	(3.592.300.104)
Dự Phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>320.231.332.467</b>	<b>22.328.306.350</b>	<b>342.559.638.817</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	15.104.276.419	44.132.006.582	59.236.283.001
Phải trả người bán	349.164.397.212	-	349.164.397.212
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	13.305.219.639	5.316.232.353	18.621.451.992
<b>Tổng cộng</b>	<b>377.573.893.270</b>	<b>49.448.238.935</b>	<b>427.022.132.205</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(57.342.560.802)</b>	<b>(27.119.932.585)</b>	<b>(84.462.493.388)</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng</i>	241.826.370.208	307.886.976.181	238.228.414.088	304.294.676.077
<i>Các khoản PT khác</i>	20.683.870.947	23.073.431.314	20.683.870.947	23.073.431.314
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	20.059.385.030	15.191.531.426	20.059.385.030	15.191.531.426
<b>Tổng cộng</b>	<b>282.569.626.185</b>	<b>346.151.938.921</b>	<b>278.971.670.065</b>	<b>342.559.638.817</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	55.689.613.767	59.236.283.001	55.689.613.767	59.236.283.001
<i>Phải trả người bán</i>	277.030.611.729	349.164.397.212	277.030.611.729	349.164.397.212
<i>Phải trả khác</i>	27.088.645.906	18.621.451.991	27.088.645.906	18.621.451.991
<b>Tổng cộng</b>	<b>359.808.871.402</b>	<b>427.022.132.204</b>	<b>359.808.871.402</b>	<b>427.022.132.204</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động chính, bao gồm: lĩnh vực kinh doanh vật tư, thiết bị; cung cấp dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu và dịch vụ cho thuê văn phòng. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Cho thuê văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b><u>Từ 01/01/2017</u></b>				
<b><u>đến 30/06/2017</u></b>				
Doanh thu	604.559.253.090	3.072.838.689	13.061.294.203	620.693.385.982
Các khoản giảm trừ	(80.678.778)	-	-	(80.678.778)
Giá vốn hàng bán	556.935.847.335	-	3.628.236.588	560.564.083.923
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>47.542.726.977</b>	<b>3.072.838.689</b>	<b>9.433.057.615</b>	<b>60.048.623.281</b>
<b><u>Từ 01/01/2016</u></b>				
<b><u>đến 30/06/2016</u></b>				
Doanh thu	844.957.661.569	1.560.138.433	11.765.632.668	858.283.432.670
Các khoản giảm trừ	(107.477.955)	-	-	(107.477.955)
Giá vốn hàng bán	779.787.170.152	-	3.467.216.633	783.254.386.785
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>65.063.013.462</b>	<b>1.560.138.433</b>	<b>8.298.416.035</b>	<b>74.921.567.930</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại 03 tỉnh Quảng Ninh, Hà Nội, Hồ Chí Minh. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Khu vực địa lý	Doanh thu	Khoản giảm trừ	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
Hồ Chí Minh	35.574.748.850	-	32.569.220.917	3.005.527.933
Hà Nội	519.445.378.858	(80.678.778)	465.683.308.646	53.681.391.434
Quảng Ninh	65.673.258.274	-	62.311.554.360	3.361.703.914
<b>Tổng cộng</b>	<b>620.693.385.982</b>	<b>(80.678.778)</b>	<b>560.564.083.923</b>	<b>60.048.623.281</b>



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

#### **7.3 Thông tin về các bên có liên quan**

##### Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính bắt đầu tại ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Số dư tại vào ngày 30/06/2017 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Bảng kê vật tư hàng hóa, than mua nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 02: Báo cáo doanh thu nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 03: Báo cáo chi tiết tài sản bán trực tiếp cho các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 04: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)</b>
Lương thưởng của Ban Giám đốc	454.965.840
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	102.526.000
Cổ tức năm 2016 chia cho Ban Giám đốc, HĐQT, Ban kiểm soát	558.952.000
<b>Cộng</b>	<b>1.116.443.840</b>

#### **7.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### **7.5 Thông tin khác**

Liên quan đến sự cố xảy ra vào ngày 20/10/2015, trong quá trình vận hành thang nâng hệ thống xếp xe ô tô tự động tại toà nhà COALIMEX, chiếc xe BMW 520i của công ty Vietrantour (là khách hàng thuê văn phòng tại toà nhà Coalimex - 33 Tràng Thi) đã bị rơi xuống đất. Phía Vietrantour cho rằng Ban Quản lý toà nhà COALIMEX phải chịu trách nhiệm về sự cố và yêu cầu bồi thường số tiền 2.360.000.000 đồng hoặc chiếc xe mới tương đương. Do việc bồi thường chưa được thực hiện nên Vietrantour đã khởi kiện COALIMEX ra Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Do đã mua bảo hiểm cho toàn bộ toà nhà, bao gồm cả hệ thống thiết bị nâng hạ tự động trong hầm và phương tiện trông giữ của Công ty bảo hiểm dầu khí (PVI), COALIMEX cho rằng nghĩa vụ chi trả của thiệt hại đã nêu thuộc về PVI. Và để đảm bảo quyền được bảo hiểm, theo đúng quy định của hợp đồng bảo hiểm, Coalimex không tự ý thỏa thuận hay bồi thường với khách hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Sau đó, phía PVI lại có văn bản từ chối bảo hiểm với lý do chiếc xe đã được mua bảo hiểm thân vỏ của Công ty cổ phần bảo hiểm bưu điện (PTI), và trong trường hợp rủi ro xảy ra nhưng được đơn vị khác bảo hiểm thì PVI được miễn trách nhiệm. Tuy nhiên, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 phía PTI cũng từ chối bảo hiểm với lý do tổn thất xảy ra không trong quá trình tham gia giao thông và sử dụng xe mà xảy ra trong quá trình trông giữ của tòa nhà.

Theo quan điểm của Coalimex kể cả trong trường hợp PTI tiến hành bồi thường thiệt hại cho Vietrantour thì trách nhiệm công cộng (trách nhiệm đền bù thiệt hại) của Coalimex vẫn tồn tại và chưa được bảo hiểm bởi bất cứ đơn vị bảo hiểm nào khác. Do vậy trách nhiệm đền bù thiệt hại thay cho Coalimex trong vụ việc này hoàn toàn thuộc về đơn vị bảo hiểm PVI.

Do vụ việc phức tạp liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của nhiều bên, nên Coalimex đã có ý kiến đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm triệu tập các bên liên quan gồm PVI, PTI tham gia tố tụng tại Tòa án, và Coalimex sẽ chấp hành mọi phán quyết của Tòa. Ngoài ra theo yêu cầu của Tòa, Coalimex cũng đã cung cấp thêm các thông tin về Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH SX cơ khí và cầu trục NMC - đơn vị cung cấp hệ thống đỡ xe nói trên.

Đến ngày 23/01/2017, Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm đã ra Quyết định số 03/2017/QĐĐC - ST về việc đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp "Bồi thường thiệt hại về tài sản" sau khi nguyên đơn - Công ty TNHH Vietrantour nộp đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 06/01/2017.

**7.7 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

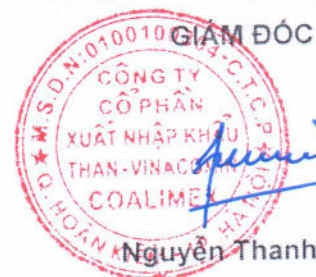
Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đỗ Thu Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thu Trang



Nguyễn Thanh Hải



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Phụ biểu 01

**BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

TT	Mã KH	Tên đơn vị bán	Đơn vị		Mua trong năm		Tồn cuối năm		
			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền ( VND )	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền ( VND )
A		B	C	1	2	3	4	5	6
1		Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin		39.634		40.793.676.300	15.719		14.163.115.750
		Than cục xô 1b		390	2.765.000	1.077.714.050	-	-	-
		Than bùn tuyển 1b		34.231	890.000	30.465.634.500	13.404	890.000	11.929.382.000
		Than cám 7a		2.315	965.000	2.233.733.750	2.315	965.000	2.233.733.750
		Than cám 1		2.699	2.600.000	7.016.594.000	-	-	-
2		Công ty CP than Hà Tu - Vinacomin		7.901		676.926.835	-	-	-
		Than đóng bao		7.901	85.680	676.926.835	-	-	-
3		Công ty kho vận Đá Bạc - Vinacomin		5.965		4.880.848.590	5.965		4.880.848.590
		Than cám 6b.3		3.012	1.043.000	3.141.213.530	3.012	1.043.000	3.141.213.530
		Than bùn tuyển 3a		2.954	589.000	1.739.635.060	2.954	589.000	1.739.635.060
4		Công ty CP đại lý hàng hải - Vinacomin				6.688.915			
		Phí giám định				6.688.915			
5		Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin				6.550.000			
		Phí kiểm định				6.550.000			
6		Công ty TNHH MTV Nhóm Lâm Đồng - Vinacomin		8,40		743.400.000			
		Chất trợ lắng		8,40	88.500.000	743.400.000			
7		Công ty CP giám định - Viancomin				10.985.522			
		Phí giám định				4.436.877			



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Phụ biểu 01

**BẢNG KẾ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

TT	Mã KH	Tên đơn vị bán	Đơn vị			Mua trong năm			Tồn cuối năm		
			tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền ( VND )	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền ( VND )	Số lượng	Đơn giá
A		B	C	1	2	3	4	5	6		
		Phi kẹp chỉ				6.548.645					
8		Công ty CP Tây Nam Đá Mài - Vinacomin				1.000.000					
		Lốp phé liệu				1.000.000					
		<b>Tổng Cộng</b>		53.508,55		47.120.076.162	21.683,80			19.043.964.340	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đỗ Thu Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Thu Trang

Ngày 07 tháng 08 năm 2017

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hải





**BÁO CÁO DOANH THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
 Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

STT	Tên khách hàng	Doanh thu	
		Giá trị ( VND)	
			306.085.725
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin		10.706.400.000
2	Công ty Tuyển than Cửa Ông- Vinacomin		10.010.890.909
3	Trung tâm cấp cứu Mỏ- Vinacomin		11.495.488.000
4	Tổng Công ty Khoáng sản- Vinacomin		16.505.530.909
5	Công ty Than Uông Bí - TKV		2.775.830.000
6	Công ty Than Mạo Khê - TKV		11.323.200.000
7	Công ty Than Thống Nhất - TKV		24.463.491.182
8	Công ty Than Dương Huy - TKV		24.881.825.000
9	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin		6.044.720.000
10	Công ty Than Khe Chàm - TKV		1.127.868.000
11	Công ty Than Quang Hanh - TKV		3.258.807.000
12	Công ty Than Hạ Long - TKV		19.056.638.000
13	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin		2.350.686.000
14	Công ty Than Hòn Gai - TKV		1.700.200.000
15	Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin		6.948.580.902
16	Trường Cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam		35.275.684.000
17	Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin		7.378.264.474
18	Công ty CP chế biến KD Than Cẩm Phả- Vinacomin		17.642.797.000
19	Công ty CP Than Cọc Sáu- Vinacomin		16.813.945.500
20	Công ty CP Than Đèo Nai- Vinacomin		60.607.010.400
21	Công ty CP Than Cao Sơn- Vinacomin		19.205.960.000
22	Công ty CP Than Hà Tu- Vinacomin		19.756.220.500
23	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV		3.996.201.890
24	Công ty Kho vận Đá Bạc- Vinacomin		3.919.605.336
25	Công ty Xây dựng mỏ Hầm lò 1 - TKV		28.904.268
26	Công ty Kho vận Hòn Gai- Vinacomin		38.342.636.560
27	Công ty Than Nam Mẫu - TKV		208.000.000
28	BQL Dự án nhà máy Alumina Nhân Cơ		4.493.950.000
29	Công ty Than Hồng Thái - TKV		26.115.460.948
30	Công ty Nhôm Đăk Nông - TKV		
<b>Tổng cộng</b>			<b>406.740.882.503</b>

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đỗ Thu Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thu Trang

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hải



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Phụ biểu 03

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN BÁN TRỰC TIẾP CHO CÁC ĐƠN VỊ  
TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
Lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

STT	Nội dung	Số lượng	Giá vốn hàng bán	Doanh thu bán hàng nội bộ (giá bán theo hoá đơn)	Lãi (+); Lỗ (-)	Hóa đơn		Đơn vị: VND
						1	2	
	Công ty than Hạ Long - TKV		1.110.000.000	1.135.600.000	25.600.000			
	Tời trực	4	1.110.000.000	1.135.600.000	25.600.000	130608	27-02-17	
	Công ty than Hà Tu - Vinacomin		4.635.000.000	4.814.500.000	179.500.000			
	Tủ khởi động mềm	4	3.300.000.000	3.452.000.000	152.000.000	103500	23-02-17	
	Tủ biến tần	5	1.335.000.000	1.362.500.000	27.500.000	103947	14-02-17	
	Công ty than Dương Huy - TKV		22.200.267.823	23.084.668.182	884.400.359			
	Hệ thống tời trực	1	11.965.901.084	12.419.818.182	453.917.098	103602	12-01-17	
	Máy khoan thủy lực	1	1.010.119.572	1.087.850.000	77.730.428	103499	22-02-17	
	Hệ thống tời cáp treo giăng nghiêng	1	9.224.247.167	9.577.000.000	352.752.833	103604	18-01-17	
	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin		23.288.416.200	23.579.600.000	291.183.800			
	Giá chống thủy lực phân thể	131	23.288.416.200	23.579.600.000	291.183.800	103508	23-01-17	
	Trung tâm cấp cứ mỏ		3.196.979.480	3.217.090.909	20.111.429			
	Máy bơm phòng nổ	2	3.196.979.480	3.217.090.909	20.111.429	103651	16-02-17	
	Công ty than Uông Bí - TKV		15.137.488.490	15.968.090.909	830.602.419			
	Trạm quạt gió chính	1	14.135.000.000	14.469.000.000	334.000.000	82993	28-02-17	
	Máy khoan thăm dò	1	1.002.488.490	1.499.090.909	496.602.419	103482	18-01-17	



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Phụ biểu 03

**BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN BÁN TRỰC TIẾP CHO CÁC ĐƠN VỊ  
TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (Tiếp theo)**  
Lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

STT	Nội dung	Số lượng	Giá vốn hàng bán	Doanh thu bán hàng nội bộ (giá bán theo hoá đơn)	Lãi (+); Lỗ (-)	Hóa đơn		Đơn vị: VND
						Số hiệu	Ngày - Tháng	
a	b	1	2	3	4 = 3-2	5	6	
	Trường CD nghề than- KS VN		4.411.090.860	4.509.090.902	98.000.042			
	Xe Toyota	4	1.661.407.120	1.698.318.180	36.911.060	103647-103650	09-06-17	
	Xe Toyota	5	2.749.683.740	2.810.772.722	61.088.982	103902-103906	15-06-17	
	Công ty than Quang Hanh - TKV		533.000.000	638.000.000	105.000.000			
	Xe nâng	1	533.000.000	638.000.000	105.000.000	103640	16-05-17	
	Công ty than Thống Nhất - TKV		6.205.700.000	6.605.700.000	400.000.000			
	Xe cầu tự hành	1	2.208.700.000	2.355.700.000	147.000.000	103641	17-05-17	
	Máy xúc lật bánh lốp	1	3.997.000.000	4.250.000.000	253.000.000	103643	22-05-17	
	Công ty than Hòn Gai - TKV		722.220.000	736.960.000	14.740.000			
	Máy cào đá	1	722.220.000	736.960.000	14.740.000	103659	10-05-17	
	Công ty than Nam Mẫu - TKV		21.447.532.000	21.479.200.000	31.668.000			
	Máng cào	1	2.079.532.000	2.111.200.000	31.668.000	103.537	16-05-17	
	Giá khung thủy lực di động	101	19.368.000.000	19.368.000.000	-	103.636	19-04-17	
	Công ty CP than Hà Lâm - TKV		15.733.436.000	16.136.818.000	403.382.000			



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Phụ biểu 03

**BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN BÁN TRỰC TIẾP CHO CÁC ĐƠN VỊ  
TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (Tiếp theo)**  
Lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số lượng	Giá vốn hàng bán	Doanh thu bán hàng nội bộ (giá bán theo hoá đơn)	Lãi (+); Lỗ (-)	Hóa đơn	
						Số hiệu	Ngày - Tháng
a	b	1	2	3	4 = 3-2	5	6
	Hệ thống cung cấp nước trong lò	1	15.733.436.000	16.136.818.000	403.382.000	103440	04-04-17
	<b>Tổng cộng</b>		<b>118.621.130.853</b>	<b>121.905.318.902</b>	<b>3.284.188.049</b>		

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đỗ Thu Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2017

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hải



**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TT	Tên đơn vị	Đơn vị: VND					
		131	331	338	336	341	6
a	b	1	2	4	5	6	
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI THU</b>	194.948.071.536	-	-	-	-	
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	194.948.071.536	-	207.726.032	-	-	
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	1.211.210.000	-	207.726.032	-	-	
2	Công ty Tuyển Than Cửa Ông - Vinacomin	352.781.000	-	-	-	-	
3	Trung tâm cấp cứu mỏ - Vinacomin	417.168.205	-	-	-	-	
4	Cơ quan Tập đoàn - Vinacomin	6.221.226.000	-	-	-	-	
5	Tổng Công ty Khoáng sản - Vinacomin	16.224.310.000	-	-	-	-	
6	Công ty Than Uông Bí - TKV	1.369.762.354	-	-	-	-	
7	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	3.043.040.000	-	-	-	-	
8	Công ty Than Thống Nhất -TKV	6.137.013.568	-	-	-	-	
9	Công ty Than Dương Huy -TKV	2.371.096.800	-	-	-	-	
10	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	764.926.941	-	-	-	-	
11	Công ty Than Khe Châm -TKV	346.560.000	-	-	-	-	
12	Công ty Than Quang Hanh -TKV	263.117.150	-	-	-	-	
13	Công ty Than Hạ Long -TKV	2.436.764.845	-	-	-	-	
14	Công ty Than Hòn Gai -TKV	17.482.912.115	-	-	-	-	
15	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin	655.114.900	-	-	-	-	
16	Công ty CP Than Văng Danh - Vinacomin	14.181.590.500	-	-	-	-	
17	Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin	1.149.331.165	-	-	-	-	
18	Công ty CP Chế biến kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	900.851.345	-	-	-	-	
19	Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin	5.899.591.500	-	-	-	-	
20	Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin	47.973.369.422	-	-	-	-	
21	Công ty CP Than Cao Sơn - Vinacomin	4.051.583.000	-	207.726.032	-	-	
22	Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	5.528.891.114	-	-	-	-	
23	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - Vinacomin	1.637.137.580	-	-	-	-	
24	Công ty Kho vận Đà Bạc - Vinacomin	4.434.065.870	-	-	-	-	
25	Công ty Xây dựng mỏ Hàm lò 1 -TKV	14.187.524.850	-	-	-	-	
26	Công ty Than Nam Mẫu -TKV	695.403.876	-	-	-	-	
27	Ban QLDA Nhà máy Alumin Nhân Cơ - Vinacomin	28.173.320.140	-	-	-	-	
28	Công ty Nhóm Đăk Nông - TKV	6.838.407.296	-	-	-	-	
29	Trường cao đẳng nghề TKV	-	-	-	-	-	
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>	194.948.071.536	-	207.726.032	-	-	
	<b>CỘNG</b>						

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ						Đơn vị: VND
		131	331	138	338	336	341	
a	b	1	2	3	4	5	6	
B	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>							
I	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>			18.657.029.156	4.825.278.400	-	-	
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	178.751.538.342	-	4.825.278.400	-	-	
2	Công ty Kho vận Đá bạc - Vinacomin	-	44.123.757.161	-	-	-	-	
3	Ban kế toán Thống kê - Tập đoàn CN Than Khoáng sản VN	-	134.344.853.242	-	-	-	-	
		-	282.927.939	-	4.825.278.400	-	-	
II	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>			18.657.029.156	-	-	-	
1	Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	-	-	18.657.029.156	-	-	-	
	<b>CỘNG</b>	-	<b>178.751.538.342</b>	<b>18.657.029.156</b>	<b>4.825.278.400</b>	-	-	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đỗ Thu Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thanh Hải